TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hăng;

2. Ông Nguyễn Quốc Thanh;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 286/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 02, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đoàn Thái P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 02, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Kim H trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông P tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, bà đứng ra trả nhiều lần. Bà và ông P đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 7/2021, ông P tự ý bỏ về quê sinh sống. Bà và ông P ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai

bên không có hàn gắn. Nay, bà xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung Đoàn Thái P, sinh ngày 02/7/2016 và Đoàn Thái H, sinh ngày 11/7/2021. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Thái P trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà H về Hôn nhân. Ông thừa nhận có cờ bạc như bà H trình bày. Ông và bà H ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân ông có đến nhà bà H thăm vợ và con nhưng bên vợ không cho thăm. Hiện nay ông không còn cờ bạc, ông đã lo làm ăn, chăm lo cho gia đình. Nay, ông vẫn còn thương bà H nên không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung như lời trình bày của bà H. Hiện nay cháu P và cháu H đang sống với bà H. Nếu Tòa cho ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Phi, để bà H nuôi cháu Huy, không bên nào phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Trong thời gian ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, ông P có đến thăm con chung. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, vì cháu Phi sống với bà và gia đình từ nhỏ đến nay.

Riêng ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P. Đồng thời, ông P cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông P, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà H và ông P đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà H cho rằng ông P cờ bạc gây nợ nần nên xin ly hôn, ông P thừa nhận có cờ bạc nhưng hiện nay đã không còn nữa, ông xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Lời trình bày của bà bà H phù hợp với lời trình bày của bà Đỗ Thị L (mẹ ruột của bà H), bà Lan cho rằng ông ông P không lo cho vợ khi vợ đang mang thai và hiện nay ông P vẫn còn cờ bạc. Xét thấy mâu thuẫn của bà H và ông P không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung Đoàn Thái P, sinh ngày 02/7/2016 và Đoàn Thái H, sinh ngày 11/7/2021. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung. Ông P yêu cầu cầu được nuôi cháu P, để bà H nuôi cháu H. Xét thấy 02 con chung hiện nay đang sống với bà H từ khi ly thân đến nay. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của 02 con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận để cho bà H tiếp tục nuôi dạy 02 con chung là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà H.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Kim H

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Đoàn Thái P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62 ngày 28/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim H được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung Đoàn Thái P, sinh ngày 02/7/2016 và Đoàn Thái H, sinh ngày 11/7/2021. Công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí*:* Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006735 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (Bà H nộp đủ án phí)

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2022), bà H được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông P là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã Q(1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc